

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Quý III năm 2023

Kính gửi: Phòng Tài Chính – Kế hoạch huyện Vạn Ninh

UBND thị trấn Vạn Giã báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Quý II Năm 2023;

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

Đảng ủy, lãnh đạo ủy ban nhân dân thường xuyên chỉ đạo cán bộ, các ban ngành, đoàn thể thực hiện tốt quy chế phối hợp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thông tin, tuyên truyền, vận động cán bộ trong toàn ủy ban thực hành tiết kiệm.

Thông qua các cuộc họp, hội nghị, tổng kết trong năm thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, đảng viên, nắm vững những kiến thức về việc sử dụng kinh phí tiết kiệm, an toàn, hiệu quả; triển khai các chế độ chính sách về bảo vệ an toàn hàng lang lưới điện và các quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sinh hoạt gia đình, nơi công sở.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của địa phương:

- Niêm yết công khai và điều chỉnh một số thủ tục, quy trình, biểu mẫu tại trụ sở làm việc, đài;

- Công khai việc sử dụng tài chính và các hoạt động về tài chính theo quy định của Nhà nước;

- Tiếp tục vận động cán bộ công chức tu dưỡng đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, tệ nạn quan liêu, lãng phí.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP.

- Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành, Công đoàn cơ sở phối hợp với lãnh đạo giám sát công tác tài chính, kế toán của cơ quan, kiểm tra các chi phí của đơn vị trong năm, đồng thời báo cáo công khai tại hội nghị cán bộ công nhân viên chức cơ quan.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ đã góp phần tiết kiệm chi, nâng cao đời sống cho người lao động, phấn đấu duy trì tiết kiệm.

b) THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Chủ động, tích cực trong việc xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, dự án ngay từ đầu năm tạo tính chủ động tiết kiệm cho các đơn vị; bám sát các văn bản hướng dẫn của cấp trên xây dựng kế hoạch dự toán năm, quý 3/2023 lập dự toán các nhiệm vụ, dự án của UBND thị trấn đảm bảo đúng chế độ chính sách, định mức - Trong quản lý NSNN, các nguồn thu từ phí, lệ phí, nguồn thu 100% của xã, nguồn kinh phí cấp trên cấp thực hiện, không để xảy ra các sai phạm, lãng phí.

- Quản lý, sử dụng NSNN đảm bảo đúng mục tiêu, chỉ tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ đối với các trường hợp tổ chức hội nghị, tổng kết, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, tiếp khách, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, ...

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan:

Việc mua sắm, sửa chữa phương tiện thiết bị làm việc của cơ quan, các Ban ngành, Đoàn thể đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do nhà nước quy định; Thực hiện mua sắm, sửa chữa trang thiết bị thực sự cần thiết đối với hoạt động chung của ủy ban, của cán bộ, công chức trên cơ sở kế hoạch, dự trù được Lãnh đạo phê duyệt.

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Thực hành tiết kiệm từ chủ trương đầu tư, tiến hành cắt giảm các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập trung bố trí vốn cho các công trình, dự án cần thiết cấp bách và có hiệu quả đối với địa phương, trong năm không bố trí vốn dàn trải các công trình chưa thật sự cần thiết. Nguồn vốn đầu tư được bố trí cho các danh mục công trình trên cơ sở nhu cầu thực tế tập trung cho các dự án trọng điểm, công tác quản lý dự án đều đảm bảo đúng quy trình, quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, công tác quản lý chất lượng được đảm bảo.

- Đất đai trụ sở ủy ban quản lý sử dụng đúng mục đích hiệu quả đảm bảo thực hành tiết kiệm.

e) THPT, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- THPT, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước;

Trong Quý III/2023 thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế:

Tổng số cán bộ, công chức trong cơ quan : 21 người.

Bố trí cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh cán bộ không chuyên trách tạo tiết kiệm ngân sách nhà nước nhà nước, có nguồn thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách.

- THPT, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan:

Quản lý thời giờ lao động chất lượng và hiệu quả, cán bộ, công chức xã làm việc đúng thời gian quy định và giao nhiệm vụ bộ phận văn phòng theo dõi được chấp hành nghiêm túc và nề nếp. Có biện pháp khuyến khích, khen thưởng xứng đáng và đưa vào đánh giá, phân loại chất lượng cán bộ cuối năm.

3. Phân tích, đánh giá:

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Xác định thực hành, tiết kiệm chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên của địa phương, lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã đã thường xuyên thực hiện tuyên truyền quán triệt đến từng cán bộ, công chức trong toàn cơ quan.

Thực hiện quy chế công khai tài chính, chế độ báo cáo công khai tài chính, tăng cường công tác giám sát đầu tư, kiểm tra hoạt động đấu thầu, tăng cường quản lý chất lượng công trình.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp – hộ tịch trên đại bàn xã.

Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

** Tồn tại, hạn chế:*

- Trình độ ứng dụng tiết kiệm, nguồn tài nguyên, thiên nhiên trong sinh hoạt chưa đáp ứng kịp thời với sự phát triển chung của xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Cán bộ, công chức quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác và chấp hành pháp luật trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

cho toàn thể cán bộ, công nhân viên chức trong cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, thực hiện tốt công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, hiệu quả trong cơ quan; từ đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót, rút kinh nghiệm trong việc điều hành và sử dụng tài sản, Ngân sách của Nhà nước.

2. Các giải pháp.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí như: tắt hết các nguồn điện khi ra khỏi phòng làm việc, tận dụng ánh sáng mặt trời, tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, tiết kiệm nguồn nước khi sử dụng chống để lãng phí.

Triển khai phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các phương tiện đại chúng, trên mọi lĩnh vực.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

- 1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành**
- 2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THTK, CLP**
- 3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP**
- 4. Các kiến nghị khác (nếu có)./.**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/Số: 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

UBND Thị trấn Vạn Giã

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Quý III Năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	01	01	01	100	100	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	triệu đồng						

	được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)							
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	163	131	131	98,77	100	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị</i>	<i>triệu đồng</i>						

	<i>làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>							
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Thực hiện tiết kiệm chi so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	70	101	101	144,29	100	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							

III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						

	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						

3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						

1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						

4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							

1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Lê Thị Minh Nguyễn

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Hữu Trường